

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **108/2025/DS-ST**

Ngày 27/3/2025

V/v “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Bình;**

Ông Trương Thanh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Lộc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thuý An**- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2024/TLST- DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng – tỉnh Kiên Giang về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2025/QĐXX-ST, ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần K**

Trụ sở chính: 4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngọc M**- Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Việt Q**- Chức vụ: Giám đốc Phòng xử lý nợ Ngân hàng TMCP K.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông **Cao Quốc T** – Chuyên viên xử lý nợ- Phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K.

(Ông T có mặt phiên tòa)

Bị đơn: Ông **Phạm Văn S**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang

(Ông S vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Cao Quốc T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K (Viết tắt: Ngân hàng) trình bày:

Vào ngày 15/02/2022 Ngân hàng TMCP K (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết hợp đồng tín dụng với ông Phạm Văn S theo hợp đồng tín dụng hạn mức cấp tín dụng số 066/22/HĐHM/1007-1460 ngày 15/4/2022 và hợp đồng tín dụng từng lần số 066/22/HĐTD/1007-1460 ngày 15/4/2022, cụ thể như sau:

Số tiền vay là: 25.000.000đ; thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; Mục đích vay: kinh doanh lúa gạo (Không có đăng ký giấy phép kinh doanh); Ngày giải ngân ngày 15/4/2022; Lãi suất: 13,80%/năm áp dụng đối với các KUNN giải ngân trong vòng 03 tháng kể từ ngày ký HĐTD này. Các KUNN giải ngân sau thời này, LSV bằng (=) lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của BLS HĐ KHCN tại thời điểm giải ngân cộng biên độ 3,80%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành của biểu lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân (Cùng loại hình và phương thức vay). LSV được cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân theo từng KUNN.

Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% LSV tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức phạt chậm trả lãi: 10%/năm; Hình thức thanh toán: Gốc trả cuối kỳ, lãi trả 06 tháng 01 kỳ.

Để đảm bảo hợp đồng vay ông S đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 066/22/HĐTC-BDS/1007-1460 ngày 15/4/2022 được công chứng, chứng thực ngày 15/4/2022 và được đăng ký bảo đảm ngày 15/4/2022 như sau: Giấy chứng nhận QSD đất số CL 940641 cấp ngày 30/01/2018 (ký biến động ngày 08/9/2021), thửa số 815, tờ bản đồ số 34, diện tích còn lại 1057,9m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang do ông Phạm Văn S đứng tên chủ sở hữu.

Từ khi vay vốn ông S không thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng như đã thỏa thuận mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ gặp ông S để yêu cầu thanh toán nhưng do ông S thường xuyên đi làm vắng nhà nên Ngân hàng không làm việc được với ông S.

Ông T xác nhận đối với phần tài sản hiện nay đang thế chấp Ngân hàng xác định không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ lại phần đất này mà đề nghị

Toà án xem xét theo giấy chứng nhận QSD đất mà ông S đã thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo tiền vay và cam kết không khiếu nại về sau.

Tại phiên hoà giải hôm nay ông Cao Quốc T là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K yêu cầu: Buộc ông Phạm Văn S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay nợ gốc là 25.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 27/3/2025 là 16.082.887 đ (trong đó: Lãi trong hạn: 3.530.658đ; Tiền phạt chậm trả lãi: 774.969đ và lãi quá hạn: 11.777.260đ), tổng cộng gốc và lãi là 41.082.887 đ (Bốn mươi một triệu, không trăm tám mươi hai ngàn, tám trăm tám mươi bảy đồng) cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 28/3/2025 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Nếu trường hợp ông S không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị Cơ quan pháp luật kê biên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- *Bị đơn ông Phạm Văn S:* Trong quá trình giải quyết vụ án ông S đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông S đều không có mặt và không giao nộp bản tự khai thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng pháp luật, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

1.1. Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Phạm Văn S thanh toán số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng hạn mức cấp tín dụng số 066/22/HĐHM/1007-1460 ngày 15/4/2022 và hợp đồng tín dụng từng lần số 066/22/HĐTD/1007-1460 ngày 15/4/2022, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã T,

huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

1.2. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K cho ông S vay tổng số tiền gốc là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) nên đây là tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định pháp luật.

1.3. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Phạm Văn S đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không lý do và tại phiên toà nguyên đơn cũng đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng: Theo tài liệu chứng cứ nguyên đơn Ngân hàng TMCP K1 ông S có vay vốn tại Ngân hàng TMCP K-PGD số 3 theo hạn mức cấp tín dụng số 066/22/HĐHM/1007-1460 ngày 15/4/2022 và hợp đồng tín dụng từng lần số 066/22/HĐTD/1007-1460 ngày 15/4/2022, với tổng số tiền dư nợ gốc tính đến ngày 27/3/2025 là 25.000.000đ.

Các hợp đồng tín dụng này đã tuân thủ quy định pháp luật về nội dung và hình thức và đã thực hiện, nên phát sinh hiệu lực. Số tiền vay gốc đã được Ngân hàng giải ngân có ký nhận nợ của ông S trên “Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ”. Mặc dù hợp đồng tín dụng cũng như các phụ lục kèm theo không được công chứng/chứng thực (không bắt buộc), nhưng đi kèm theo Hợp đồng tín dụng là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay đã được công chứng và đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, nên có giá trị chứng minh việc vay tiền nói trên là có thật. Quá trình giải quyết, bị đơn ông S đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và ông S cũng không có gửi tài liệu chứng cứ hay ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến vụ án này đồng thời sau khi vay được tiền, ông S không thực hiện đúng nghĩa vụ, vi phạm cam kết trả nợ đối với Ngân hàng và Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông S không hợp tác và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú.

Theo quy định về nghĩa vụ chứng minh tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu

cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc đồng thời việc bị đơn bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn đây được xác định là trường hợp phía bị kiện giấu địa chỉ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 5-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao. Như vậy, dựa vào Bảng kê chi tiết nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/3/2025 gồm:

- + Nợ gốc: 25.000.000 đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 3.530.658 đồng;
- + Tiền phạt chậm trả lãi: 774.969 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 11.777.260 đồng;

Tổng cộng gốc và lãi: 41.082.887 đ (Bốn mươi một triệu, không trăm tám mươi hai ngàn, tám trăm tám mươi bảy đồng).

Do ông S vi phạm nội dung cam kết tại của các Hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng khởi kiện là có cơ cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Phạm Văn S phải có trách nhiệm trả số nợ gốc và lãi chưa thanh toán như trên là có cơ sở.

[2.2] Xét hợp đồng thế chấp: Giữa Ngân hàng TMCP K-PGD số 3 với ông S có ký kết các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 066/22/HĐTC-BĐS/1007-1460 ngày 15/4/2022 gồm: Giấy chứng nhận QSD đất số CL 940641 cấp ngày 30/01/2018 (ký biến động ngày 08/9/2021), thửa số 815, tờ bản đồ số 34, diện tích còn lại 1057,9m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang do ông Phạm Văn S đứng tên chủ sở hữu.

Xét về hợp đồng thế chấp có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật và được tiến hành đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền nên có hiệu lực. Tại Điều 10 của Hợp đồng thế chấp có nội dung xử lý tài sản thế chấp khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên B (tức bên thế chấp tài sản) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Vì vậy, trường hợp nếu bị đơn không trả được nợ vay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Theo đơn xác nhận ngày 21/02/2025 của nguyên đơn cung cấp thì tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng và không có phát sinh tranh chấp người thứ 3 nên căn cứ vào điều khoản trong hợp đồng thế chấp và căn cứ vào các Điều 317, 318, 319, 322, 323 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân

hàng, nếu ông S không trả được khoản nợ thì phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông S phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền tranh chấp là $41.082.887 \text{ đ} \times 5\% = 2.054.144 \text{ đ}$ (Hai triệu không trăm năm mươi bốn ngàn một trăm bốn mươi bốn đồng).

Ngân hàng TMCP K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 775.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 117, Điều 280, Điều 299, Điều 307, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 500 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Điều 90, 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Điều 3 Nghị định 83/NĐ-CP23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Phạm Văn S.

Buộc bị đơn ông Phạm Văn S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền vay tính đến ngày 27/3/2025, gồm:

+ Nợ gốc: 25.000.000 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 3.530.658 đồng;

+ Tiền phạt chậm trả lãi: 774.969đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 11.777.260đồng;

Tổng cộng gốc và lãi: 41.082.887 đ (Bốn mươi một triệu, không trăm tám mươi hai ngàn, tám trăm tám mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28/3/2025 ông S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng TMCP K, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông S không trả nợ hoặc trả không hết nợ cho Ngân hàng TMCP K thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 066/22/HĐTC-BĐS/1007-1460 ngày 15/4/2022 gồm: Giấy chứng nhận QSD đất số CL 940641 cấp ngày 30/01/2018 (ký biến động ngày 08/9/2021), thửa số 815, tờ bản đồ số 34, diện tích còn lại 1057,9m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang do ông Phạm Văn S đứng tên chủ sở hữu, được ký kết giữa ông S với Ngân hàng TMCP K – PGD số 3 để thu hồi nợ.

Kể từ ngày S thanh toán dứt nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có nghĩa vụ hoàn trả lại toàn bộ giấy tờ thế chấp theo hợp đồng thế chấp số Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 066/22/HĐTC-BĐS/1007-1460 ngày 15/4/2022 cho ông S.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phạm Văn S phải chịu án phí số tiền là 2.054.144đ (Hai triệu không trăm năm mươi bốn ngàn một trăm bốn mươi bốn đồng).

Ngân hàng TMCP K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 775.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005808 ngày 12/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

(Đã ký)

Lữ Cẩm Nhung